

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06-11-2020

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mùa**

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Dương Thị A**, sinh năm 1992 (có mặt)

Bị đơn: **Ông Lê Phương B**, sinh năm 1985 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị A trình bày:

Bà Dương Thị A và ông Lê Phương B tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 19 tháng 01 năm 2010. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng đã không có hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân là do ông B không quan tâm

đến vợ con, thường áp đặt ý chí, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không có tiếng nói chung và đã sống ly thân 06 tháng nay không ai quan tâm ai. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Phương B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là Lê Anh C, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 và Lê Thị Tú D, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2015. Sau khi ly hôn bà A đồng ý để ông B trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung nêu trên cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 6 năm 2020, bị đơn ông ông Lê Phương B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Phương B và bà Dương Thị A tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 19 tháng 01 năm 2010. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020, từ ngày 25 tháng 4 năm 2020 bà A đi học nghề tại Bình Dương, do đó vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay và chưa có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông B không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà A. Ông B có nguyện vọng được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ với nhau để nuôi dạy các con chung.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông B và bà A có 02 người con chung là Lê Anh C, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 và Lê Thị Tú D, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2015. Đối với các con chung ông B muốn được nuôi cả 02 người con chung là Lê Anh C và Lê Thị Tú D.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Phương B không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 7 năm 2020, cháu Lê Anh C trình bày:

Đối với việc bố, mẹ cháu là bà A và ông B có mâu thuẫn như thế nào và yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với nhau thì cháu C không biết việc này, cháu chỉ biết bố mẹ cháu đã không sống chung với nhau đã lâu và trước đây thì hai người thường xuyên cãi vã nhau. Khi bố mẹ ly hôn và không sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với ông B (bố ruột của cháu), vì mẹ cháu đi làm ăn xa không quan tâm và chăm sóc cháu được bằng bố cháu. Việc cháu Tuấn có nguyện vọng được sống cùng với ông B là do cháu hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :***

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lê Phương B vắng mặt không có lý do. Và qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu bà A cung cấp là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Dương Thị A.

Về con chung: Giao 02 người con chung là Lê Anh C, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 và Lê Thị Tú D, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2015 cho ông Lê Phương B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp “**Ly hôn**” do bà Dương Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Lê Phương B cư trú tại Thôn 2, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lê Phương B vắng mặt không có lý do tại các buổi xét xử, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nên xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Dương Thị A cho thấy, bà và ông Lê Phương B tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 19 tháng 01 năm 2010. Do đó, quan hệ hôn nhân này được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng ông bà có hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau 06 tháng nay không ai quan tâm ai. Tại phiên tòa, bà A cho rằng bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, và bà A xác định nay không còn tình cảm với ông B. Mặc dù, tại phiên tòa không có mặt ông B nhưng bà A vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với ông B. Cho thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là Lê Anh C, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 và Lê Thị Tú D, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2015. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như lời khai của ông B có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Anh C và Lê Thị Tú D cho đến khi đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà A trình bày do phải đi làm ăn xa nhà và bà A cũng đồng ý giao 02 người con chung là Lê Anh C và Lê Thị Tú D cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Về phía cháu C cũng có lời khai và nguyện vọng được ở với ông B. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao 02 người con chung là Lê Anh C và Lê Thị Tú D cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí HNGĐ sơ thẩm:** Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị A về việc tranh chấp “ly hôn”

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị A được ly hôn với ông Lê Phương B.

Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Lê Anh C, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 và cháu Lê Thị Tú D, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2015 cho ông Lê Phương B tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi 02 người con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019234, Quyền số 000385 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh

